

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 3121/QĐ-BNNMT ngày 08 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong lĩnh vực Giảm nghèo;*

*Căn cứ Quyết định số 17/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1199/TTr-SNNMT ngày 13 tháng 8 năm 2026.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 thủ tục hành chính mới ban hành và 04 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Quyết định số 3121/QĐ-BNNMT ngày 08 tháng 08 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**Điều 2.** Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm rà soát, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng dự thảo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026. /

### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Gia Lai;
- Lưu: VT, NNMT, PVHCC<sup>(KSTT)</sup>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lâm Hải Giang**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH VÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC  
GIẢM NGHÈO THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Quyết định số:       /QĐ-UBND ngày        tháng        năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (06 TTHC)**

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (02 TTHC)**

| STT                                                                                                                       | Tên TTHC                                                                                                                 | Thời gian giải quyết                                                                                                                                                                                        | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                                                                                                                                  | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|                                                                                                                           | Mã TTHC                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                    |                                   |                       |                      |                                                                                                                                                                               |                 |                                              |
| Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 3121/QĐ-BNNMT ngày 08/8/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường |                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                    |                                   |                       |                      |                                                                                                                                                                               |                 |                                              |
| I. Lĩnh vực Giảm nghèo (02 TTHC)                                                                                          |                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                    |                                   |                       |                      |                                                                                                                                                                               |                 |                                              |
| 1                                                                                                                         | Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 | Thời gian rà soát từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 hằng năm; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trước ngày 31 tháng 12 hằng năm. | - Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.<br>- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia. | Có                                | Một phần              | -                    | - Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | Cấp xã          | x                                            |

| STT                       | Tên TTHC                                                                                                          | Thời gian giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                               | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                                                                                                                                                                                          | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                        | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|                           | Mã TTHC                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                   |                       |                      |                                                                                                                                                                                                                                       |                 |                                              |
| 2                         | Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trong năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 | Thời gian rà soát từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 8 hằng năm, trừ trường hợp đột xuất theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trước ngày 01 của tháng kế tiếp. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.</li> <li>- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.</li> </ul> | Có                                | Một phần              | -                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</li> </ul> | Cấp xã          | x                                            |
| <b>Tổng cộng: 02 TTHC</b> |                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                   |                       |                      |                                                                                                                                                                                                                                       |                 |                                              |

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (04 TTHC)

| STT                                                                                                                                                       | Tên TTHC                                                                                              | Mức độ<br>DVC trực<br>tuyến | Cấp thực<br>hiện | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Quyết định của Chủ<br>tịch UBND tỉnh      |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
|                                                                                                                                                           | Mã TTHC                                                                                               |                             |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                           |
| Thủ tục hành chính bị bãi bỏ theo Quyết định số 3121/QĐ-BNNMT ngày 08/8/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027) |                                                                                                       |                             |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                           |
| I. Lĩnh vực Giảm nghèo (04 TTHC)                                                                                                                          |                                                                                                       |                             |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                           |
| 1                                                                                                                                                         | Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm<br><br>1.011607                                | Một phần                    | Cấp xã           | - Điều 2 Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ<br>- Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.                                                                                                                                                                                                                                   | Quyết định số 634/QĐ-UBND, ngày 26/6/2025 |
| 2                                                                                                                                                         | Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm<br><br>1.011608                    | Một phần                    | Cấp xã           | - Điều 2 Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ.<br>- Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường                                                                                                                                                                                                                                   | Quyết định số 634/QĐ-UBND, ngày 26/6/2025 |
| 3                                                                                                                                                         | Công nhận người lao động có thu nhập thấp<br><br>3.000412                                             | Một phần                    | Cấp xã           | Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Quyết định số 634/QĐ-UBND, ngày 26/6/2025 |
| 4                                                                                                                                                         | Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm<br><br>1.011606 | Một phần                    | Cấp xã           | - Điều 2 Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ.<br>- Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 từ ngày 01/9/2026 đồng thời thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát | Quyết định số 634/QĐ-UBND, ngày 26/6/2025 |

| STT                | Tên TTHC | Mức độ<br>DVC trực<br>tuyến | Cấp thực<br>hiện | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC                                      | Quyết định của Chủ<br>tịch UBND tỉnh |
|--------------------|----------|-----------------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
|                    | Mã TTHC  |                             |                  |                                                                           |                                      |
|                    |          |                             |                  | nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia<br>giai đoạn 2027-2030. |                                      |
| Tổng cộng: 04 TTHC |          |                             |                  |                                                                           |                                      |